

Bản tin Phân tích kỹ thuật

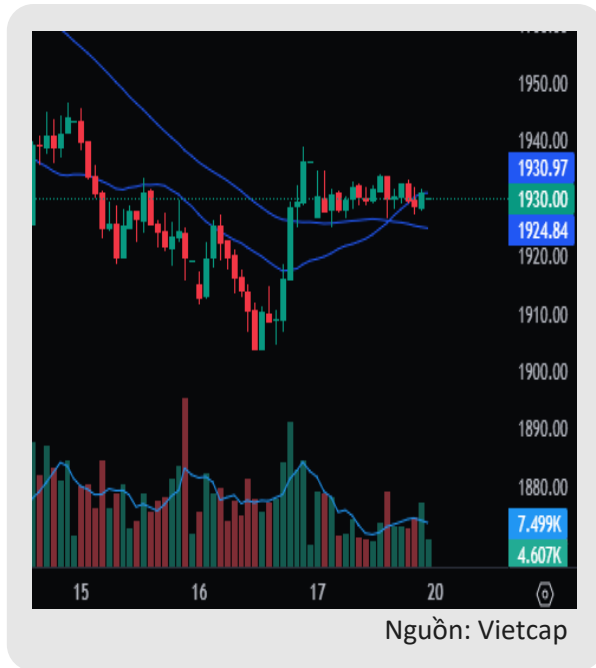
17/07/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 giảm co phần lớn thời gian trong ngày. Đóng cửa với tín hiệu trung tính. Dự báo vùng 1.947 điểm sẽ được kiểm định lại nếu xuất hiện nến vượt ngưỡng 1.931 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên với dừng lỗ là ngưỡng 1.925 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.931 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.947 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.925 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tích cực

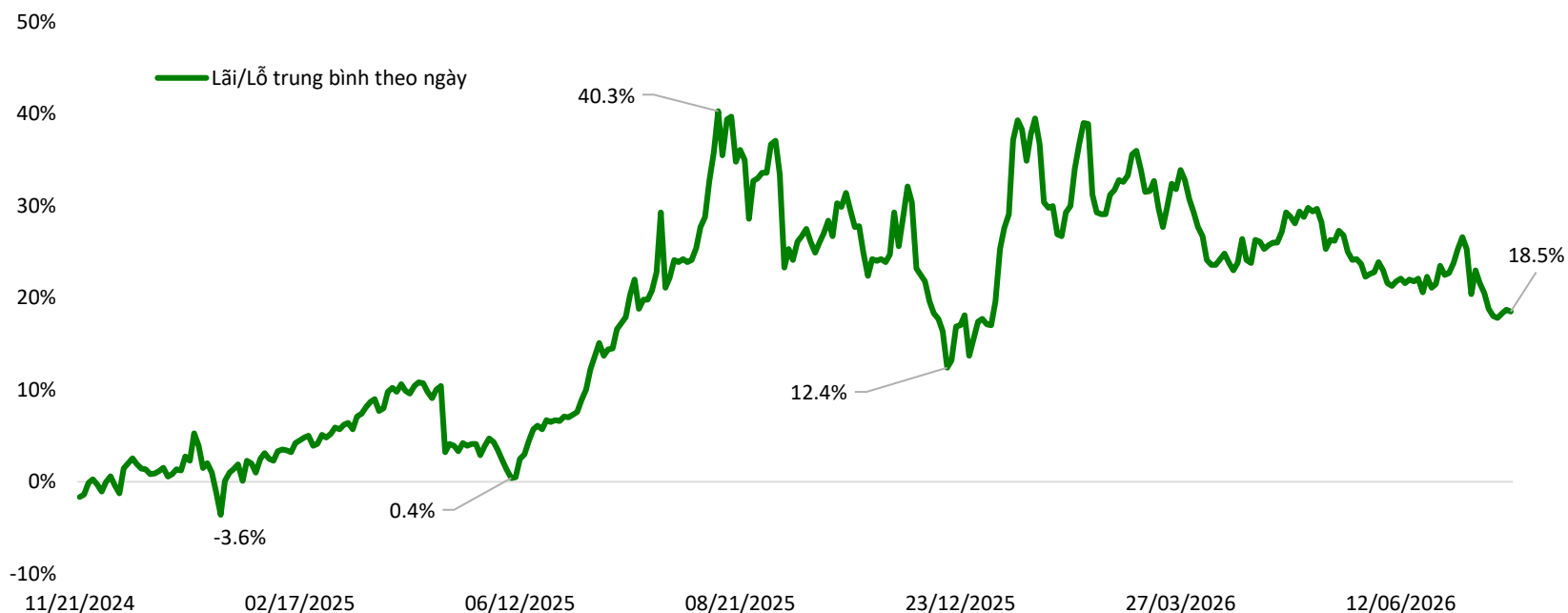


Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh từ vùng giá cao của phiên 16/07, cho thấy nhịp hồi phục thiếu sự tiếp nối từ lực cầu giá cao. Dù vậy, áp lực bán trên phần lớn nhóm ngành được tiết chế khi thanh khoản HOSE giảm mạnh. Đáng chú ý, lực mua chỉ cải thiện tại một vài cổ phiếu Ngân hàng và Tiêu dùng, với mức độ lan tỏa còn hẹp.
- Về mặt kỹ thuật, vùng 1.770 điểm tiếp tục là điểm tựa quan trọng của thị trường chung. Tuy nhiên, tín hiệu tạo đáy ngắn hạn chưa được xác nhận, trong khi áp lực điều chỉnh từ khu vực 1.795–1.800 điểm còn chiếm ưu thế. Dựa trên tín hiệu hiện tại, VN-Index nhiều khả năng cần dao động trong biên độ 1.770–1.800 điểm để chờ sự dịch chuyển rõ hơn của cán cân cung cầu.
- Đánh giá rủi ro, lực bán tuy được tiết chế nhưng nhịp hồi phục vẫn kém ổn định do thiếu sự hỗ trợ từ lực cầu giá cao. Do đó, tín hiệu dòng tiền chưa đủ để xác nhận khả năng tạo đáy, tần suất rung lắc có thể duy trì ở mức cao trong biên độ 1.770–1.800 điểm. Việc VN-Index vượt cận trên hoặc vi phạm cận dưới của vùng dao động này sẽ định hình xu hướng trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
TCX	25/06/2026		Đang mở	43,100	44,300	-2.7%	41,500	48,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	220,000	-1.35%	-1.35%	1,707,681	-5.228	1,506	11.5	146.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHM	140,500	-1.61%	-4.42%	577,091	-2.115	15,766	2.2	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	58,500	-1.52%	-3.31%	488,807	-1.685	4,301	2.1	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,000	4.98%	4.24%	123,307	1.398	4,914	3.8	12.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	24,900	-4.23%	-2.35%	124,682	-1.200	2,612	1.8	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	79,800	-2.56%	-3.04%	143,105	-0.835	1,400	3.8	57.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	73,500	2.37%	4.85%	138,563	0.747	2,454	2.3	30.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	23,750	-1.66%	-3.65%	191,306	-0.721	3,442	1.3	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	31,450	-1.41%	-2.93%	222,862	-0.715	3,677	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,850	-1.58%	-4.79%	184,479	-0.662	2,499	1.3	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	76,200	-1.55%	1.33%	183,867	-0.649	4,808	2.7	15.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	52,900	1.73%	-0.94%	158,027	0.622	3,738	3.2	14.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	32,000	-0.93%	-5.04%	248,542	-0.525	4,906	1.3	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	29,700	-1.82%	-2.94%	118,800	-0.492	1,572	2.0	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	24,250	-3.00%	-8.66%	60,652	-0.414	2,152	1.5	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	143,000	8.42%	-4.67%	55,055	7.096	271	12.4	527.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSF	74,500	-1.19%	-3.75%	67,034	-1.225	14,074	3.8	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	16,400	-2.96%	-11.35%	14,751	-0.668	1,463	1.2	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,900	-1.97%	-8.72%	19,919	-0.601	1,828	1.7	10.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	13,100	-4.38%	-6.43%	7,805	-0.523	337	1.2	38.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,400	-2.09%	-4.83%	14,193	-0.455	4,899	2.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,300	-0.81%	-10.87%	35,973	-0.444	42	2.6	295.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KSV	99,900	-0.89%	-1.39%	29,970	-0.410	8,726	5.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	38,300	-1.29%	5.80%	19,587	-0.387	3,781	1.3	10.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NTP	49,100	1.87%	0.20%	10,078	0.288	5,044	2.4	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	29,500	-39.80%	-39.80%	12,461	-0.753	2,486	2.3	11.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	33,900	13.00%	4.31%	14,819	0.292	491	3.4	63.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MVN	55,600	-1.77%	-5.44%	67,353	-0.181	1,955	4.6	28.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SJG	21,700	-9.58%	0.00%	9,755	-0.142	3,937	1.2	5.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,300	2.25%	0.00%	39,830	0.136	700	3.1	51.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	440,000	4.76%	-2.22%	12,942	0.094	616	17.5	706.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
TIN	107,500	5.91%	-0.46%	9,751	0.087	15,995	4.0	6.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	73,500	-4.30%	-10.04%	12,276	-0.080	4,015	1.8	18.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TTD	108,000	13.68%	5.88%	3,359	0.070	2,975	9.5	36.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
OIL	14,100	-2.76%	2.92%	14,552	-0.061	892	1.3	15.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

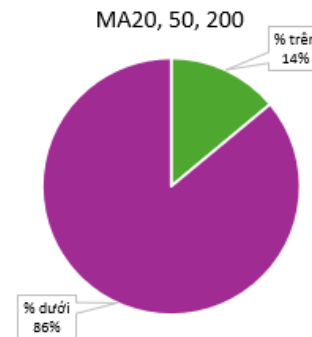
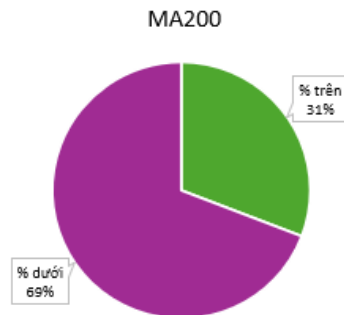
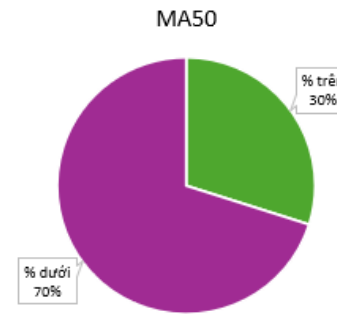
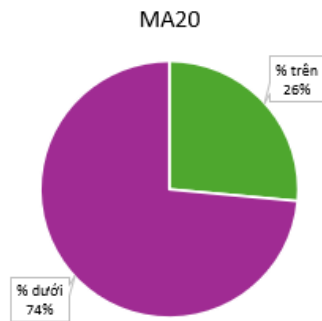
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ABW	14,400	1.4%	5.5	4.8	8,200	14,200	1.2	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHN	9,600	9.1%	5.8	1.8	3,300	8,800	0.8	-15,417.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PSI	11,500	6.5%	18.2	3.3	7,300	10,900	0.9	11.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HPG	21,850	-1.6%	374.6	404.4	22,200	27,095	1.3	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	41,500	-0.2%	7.3	22.7	41,600	67,100	2.1	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	24,250	-3.0%	284.3	418.8	24,700	37,757	1.5	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	44,000	-0.2%	11.1	15.7	44,100	78,640	2.1	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	19,000	-0.3%	43.2	90.1	19,050	31,100	1.3	47.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	21,250	-2.7%	144.2	173.0	21,850	34,972	1.4	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEL	27,050	-1.5%	28.2	66.5	27,450	40,600	2.0	116.0	Tiêu cực			
KDH	18,450	-2.9%	102.6	86.5	19,000	37,000	1.1	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	13,450	-1.1%	55.0	91.6	13,600	26,300	1.1	22.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	50,000	-2.7%	15.2	16.1	51,400	80,795	5.8	21.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	46,200	-1.7%	12.4	32.2	47,000	68,203	1.7	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	13,100	-4.4%	40.8	70.1	13,524	30,382	1.2	38.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	17,800	-2.7%	17.2	33.8	18,300	31,871	1.1	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTD	63,500	-4.1%	27.5	34.9	66,100	92,783	0.8	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	10,300	-0.5%	11.5	31.3	10,350	15,576	0.5	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	14,700	-3.0%	49.0	75.6	15,000	36,200	1.1	20.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	11,150	-3.5%	14.2	17.2	11,550	18,091	0.7	35.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	7,860	-1.6%	9.7	8.9	7,990	13,456	0.6	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	18,100	-1.4%	5.4	12.4	18,350	32,286	1.3	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	30,100	-5.0%	12.8	14.9	31,700	50,728	1.2	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HHP	15,100	2.7%	50.5	13.5	8,790	15,300	1.3	26.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BCE	5,690	-4.4%	18.9	1.1	5,950	9,916	0.5	2.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,000	5.0%	756.3	181.8	53,257	71,073	3.8	12.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PSI	11,500	6.5%	18.2	3.3	7,300	10,900	0.9	11.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TIG	6,300	3.3%	8.2	3.0	6,100	10,700	0.6	28.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			17/07/2026	16/07/2026	15/07/2026	14/07/2026	13/07/2026	10/07/2026	09/07/2026	08/07/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	23%	23%	24%	24%	25%	25%	28%
		Dưới	77%	77%	77%	76%	76%	75%	75%	72%
	MA50	Trên	26%	27%	26%	28%	27%	32%	34%	35%
		Dưới	74%	73%	74%	72%	73%	68%	66%	65%
	MA20	Trên	21%	24%	22%	27%	23%	30%	35%	35%
		Dưới	79%	76%	78%	73%	77%	70%	65%	65%
VN30	MA200	Trên	27%	23%	23%	27%	23%	30%	30%	43%
		Dưới	73%	77%	77%	73%	77%	70%	70%	57%
	MA50	Trên	23%	20%	17%	20%	20%	23%	37%	40%
		Dưới	77%	80%	83%	80%	80%	77%	63%	60%
	MA20	Trên	17%	23%	13%	20%	10%	27%	40%	50%
		Dưới	83%	77%	87%	80%	90%	73%	60%	50%
HNX	MA200	Trên	30%	30%	30%	30%	29%	33%	32%	34%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	71%	67%	68%	66%
	MA50	Trên	30%	30%	33%	32%	29%	33%	34%	36%
		Dưới	70%	70%	67%	68%	71%	67%	66%	64%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	30%	29%	33%	32%	34%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	71%	67%	68%	66%
UPCOM	MA200	Trên	28%	26%	26%	27%	27%	28%	29%	31%
		Dưới	72%	74%	74%	73%	73%	72%	71%	69%
	MA50	Trên	32%	31%	31%	33%	33%	34%	35%	35%
		Dưới	68%	69%	69%	67%	67%	66%	65%	65%
	MA20	Trên	35%	35%	34%	34%	35%	36%	36%	36%
		Dưới	65%	65%	66%	66%	65%	64%	64%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 7												Tháng 6							
		17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22
1	Ô tô và phụ tùng	49	48	48	47	47	48	51	51	52	42	38	41	39	38	37	37	37	39	42	42
2	Điện, nước & xăng d...	48	39	39	39	38	41	39	39	40	43	44	47	47	46	50	49	48	48	52	44
3	Ngân hàng	46	45	46	48	51	56	62	64	65	66	69	70	66	65	59	53	53	54	56	54
4	Dầu khí	46	49	53	43	32	32	32	25	22	26	26	31	26	23	21	23	26	26	29	25
5	Dịch vụ tài chính	45	44	48	50	53	61	67	68	68	70	67	65	60	58	57	56	57	59	62	64
6	Thực phẩm và đồ uố...	41	40	41	42	42	45	46	47	48	50	47	50	49	48	47	48	46	44	45	46
7	Tài nguyên Cơ bản	39	34	36	34	44	47	50	50	51	52	50	51	46	45	43	46	44	44	48	51
8	Du lịch và Giải trí	39	39	42	48	49	51	55	54	56	57	58	59	59	60	57	58	57	59	61	63
9	Xây dựng và Vật liệu	34	34	37	36	36	37	40	41	41	44	47	49	47	48	44	39	39	42	46	47
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	33	34	36	37	35	37	41	42	43	47	48	52	48	46	39	38	41	43	47	48
11	Hóa chất	32	32	33	32	32	38	41	37	34	37	37	33	33	31	32	34	39	43	45	43
12	Bán lẻ	31	35	39	38	37	43	45	43	44	49	50	54	47	46	44	38	40	42	49	52
13	Bất động sản	27	26	27	28	28	29	33	33	33	38	39	40	38	39	38	38	39	39	44	45
14	Công nghệ Thông tin	21	22	27	30	33	36	37	39	45	35	38	37	35	31	32	29	27	28	27	28
15	Hàng cá nhân & Gia ...	20	22	22	24	23	24	25	27	32	34	38	40	31	37	37	36	37	36	34	33

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	23,550	-0.8%	4.4%	136,694	1.4	8.4	2,802	240.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,250	0.4%	0.9%	136,394	1.7	7.7	3,546	267.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	25,400	2.0%	6.0%	34,289	2.4	18.4	1,379	221.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GMD	77,500	-1.9%	2.9%	33,053	2.4	17.4	4,457	76.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,500	-1.1%	-0.6%	28,148	1.6	6.8	2,583	19.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABW	14,400	1.4%	5.1%	4,345	1.2	5.3	2,705	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	91,300	6.9%	10.8%	3,930	4.8	4.6	19,865	32.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HHP	15,100	2.7%	4.1%	1,307	1.3	26.7	567	50.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SHN	9,600	9.1%	33.3%	1,244	0.8	-15,417.6	-1	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVS	6,400	8.5%	14.3%	1,055	0.5	22.5	285	6.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PSI	11,500	6.5%	9.5%	688	0.9	11.1	1,039	18.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TNI	6,240	6.8%	12.4%	328	0.6	5.8	1,078	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,900	1.7%	-0.9%	158,027	3.2	14.2	3,738	420.7	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	73,500	2.4%	4.9%	138,563	2.3	30.0	2,454	522.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSB	16,350	0.0%	3.5%	51,012	1.2	8.7	1,884	91.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	151,600	0.1%	3.8%	12,410	3.9	10.0	15,218	13.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	12,850	3.6%	0.4%	9,625	1.1	4.8	2,655	9.4	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MST	10,100	-1.0%	6.3%	1,147	1.0	41.3	245	23.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	138,900	0.8%	2.1%	181,599	10.6	26.0	5,337	42.9	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VNM	59,000	5.0%	4.2%	123,307	3.8	12.0	4,914	756.3	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	81,700	0.0%	-4.2%	250,083	5.6	22.5	3,657	12.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	32,000	-0.9%	-5.0%	248,542	1.3	6.5	4,906	117.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,850	-1.6%	-4.8%	184,479	1.3	8.7	2,499	374.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	41,500	-0.2%	-2.4%	148,910	2.1	14.0	2,980	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	79,800	-2.6%	-3.0%	143,105	3.8	57.0	1,400	63.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	12,650	-0.4%	-3.8%	67,598	0.9	4.9	2,581	332.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	24,250	-3.0%	-8.7%	60,652	1.5	11.3	2,152	284.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	24,550	-2.0%	-6.8%	55,785	1.1	8.1	3,025	96.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	44,000	-0.2%	-9.7%	45,540	2.1	13.4	3,294	11.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	19,000	-0.3%	-3.8%	35,392	1.3	47.3	401	43.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	13,750	-2.1%	-11.0%	33,691	1.6	4.7	2,949	272.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	25,000	-1.4%	-6.0%	32,712	1.7	22.0	1,139	124.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	21,250	-2.7%	-13.1%	24,485	1.4	16.2	1,314	144.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	43,000	5.1%	-7.7%	22,004	1.5	6.1	7,093	310.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	18,450	-2.9%	-9.1%	20,705	1.1	17.1	1,077	102.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	13,450	-1.1%	-4.3%	13,421	1.1	22.2	607	55.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	50,000	-2.7%	-7.2%	10,095	5.8	21.4	2,342	15.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	69,500	-0.7%	-6.1%	8,904	4.0	14.2	4,901	7.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	46,200	-1.7%	-6.6%	8,701	1.7	6.2	7,471	12.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	17,800	-2.7%	-5.8%	7,244	1.1	10.9	1,635	17.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,790	-0.34%	-2.87%	25,500	189.1%	(130)	0.8	-67.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	18,450	-2.89%	-9.11%	42,600	124.2%	1,077	1.1	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	44,800	0.00%	-3.03%	91,200	103.6%	6,819	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	24,850	0.20%	-0.60%	45,800	84.7%	1,599	1.0	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,700	0.74%	-1.44%	23,100	69.9%	1,676	0.7	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	18,100	-2.43%	-4.23%	30,800	66.0%	2,211	1.0	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	111,800	0.36%	-1.84%	180,100	61.7%	5,113	4.5	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,350	-1.08%	-1.55%	66,800	59.8%	2,896	2.1	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	25,000	-1.38%	-6.02%	40,500	59.8%	1,139	1.7	22.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	19,300	-3.50%	-6.76%	31,900	59.5%	(99)	1.3	-195.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,850	-1.58%	-4.79%	35,400	59.5%	2,499	1.3	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,700	-2.16%	-3.35%	51,000	57.4%	4,413	1.5	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	17,800	-2.73%	-5.82%	28,700	56.8%	1,635	1.1	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	13,200	-4.35%	-9.90%	21,400	55.1%	2,973	1.0	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	32,000	-0.93%	-5.04%	50,000	54.8%	4,906	1.3	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,300	-1.29%	5.80%	60,000	54.6%	3,781	1.3	10.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DPG	30,100	-5.05%	-10.95%	48,900	54.3%	3,213	1.2	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,400	-2.09%	-4.83%	58,000	51.8%	4,899	2.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	35,000	0.43%	-4.11%	52,000	49.2%	6,044	1.0	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	23,750	-1.66%	-3.65%	36,000	49.1%	3,442	1.3	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn